

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- **Tên học phần :** NGHE TIẾNG TRUNG 1 (Chinese Listening 1)
- **Mã số học phần :** 1910032
- **Số tín chỉ học phần:** 2 tín chỉ
 - Thuộc chương trình đào tạo của bậc, ngành: Đại học, Ngôn ngữ Trung Quốc
- **Số tiết học phần:** 30 tiết
 - Nghe giảng lý thuyết : 5 tiết
 - Thực hành (Làm bài tập trên lớp / Thảo luận / Hoạt động cá nhân, theo cặp, theo nhóm ...) : 25 tiết
 - Tự học : 60 giờ
- **Đơn vị phụ trách học phần:** TBM Thực hành tiếng Trung

2. Học phần trước: không có

3. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp vốn kiến thức nền về ngữ âm, ngữ điệu, từ vựng, ngữ pháp căn bản giúp sinh viên nắm vững nguyên âm, phụ âm, thanh điệu tiếng Trung một cách hiệu quả làm cơ sở cho những môn học khác và những học phần sau.

Rèn luyện kỹ năng nghe bằng nhiều hình thức và cung cấp một lượng bài tập ứng dụng phong phú như phân biệt nguyên âm, phân biệt phụ âm, phân biệt thanh điệu, phân biệt từ đồng âm, bài tập rèn luyện khả năng phản ứng nhanh, khả năng ghi nhớ lâu, nghe hiểu và lý giải được ý nghĩa của từ ngữ, lý giải được ý nghĩa của câu văn, nghe hiểu nắm ý bài văn ngắn, nghe hiểu nắm chi tiết.. nhằm nâng cao khả năng nghe chủ động của sinh viên.

4. Chuẩn đầu ra:

	Nội dung	Đáp ứng CDR CTĐT
Kiến thức	4.1.1. Nắm vững phân phiên âm Latinh, nghe phân biệt được tất cả các nguyên âm, phụ âm,	PLO-K01

	ngữ điệu. Nghe và đọc đúng ngữ âm những từ đã học trong chương trình.	
	4.1.2. Nắm được kiến thức cơ bản về ngôn ngữ Trung, về văn hóa, xã hội Trung quốc.	PLO-K05
Kỹ năng	4.2.1. Rèn luyện kỹ năng nghe bằng nhiều hình thức và cung cấp một lượng bài tập ứng dụng phong phú, đa dạng.	PLO-S03
	4.2.2. Xác định trách nhiệm cá nhân, mục tiêu hoạt động của nhóm, thể hiện hợp tác tích cực với các thành viên khác	GLO-S05 PLO-S09
Thái độ	4.3.1. Tham gia các hoạt động trên lớp; chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trao đổi kỹ năng học nhóm, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.	PLO-A04
	4.3.2. Tham gia tích cực những bài tập trên lớp, bài về nhà và bài tập nhóm	PLO-A05

5. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Luyện tập các phát âm, nghe hiểu, phân biệt các phiên âm của tiếng Trung Quốc.

Cung cấp từ vựng, từ vựng, các cấu trúc câu đơn giản và cơ bản nhằm đáp ứng những yêu cầu cụ thể về bản thân và những người khác, có thể nghe hiểu và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu.

Các dạng luyện tập chính:

+ 语音部分的练习形式: 声韵母练习、声调练习、语音语调练习、等。

+ 听力理解部分的练习形式: 听后选择合适的回答、听后选择正确答案、听后根据句重音提问、听下列句子并快速提问、听后填空、听后复述、听一听猜一猜、等。

6. Nội dung và lịch trình giảng dạy: (Lý thuyết và thực hành)

Buổi/ 2 tiết	Nội dung	Ghi chú
1	- Sinh hoạt lớp: (Hướng dẫn sinh viên nội dung phần nghe trong giáo trình, nhắc nhở nội quy học tập, thời gian dự kiến cho các bài kiểm tra và hình thức kiểm tra, hướng dẫn khái quát phương pháp tự học)	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.2

	第 1 课	
2	第 1 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1 4.2.2
3	第 2 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1
4	第 2+3 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2
5	第 4 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1
6	第 5 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.1.2
7	第 6 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1
8		Giải quyết mục tiêu 4.3.1
9	第 7 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1
10	第 7 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.2 4.3.2
11	第 8 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.2 4.3.2
12	第 9 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.3.2
13	第 10 课	Giải quyết mục tiêu 4.1.1 4.2.1
14	Bài kiểm tra số 2	Giải quyết mục tiêu 4.3.1
15	Ôn tập & Tổng kết quá trình học tập	Giải quyết mục tiêu 4.1.1

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Đến lớp đúng giờ và tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết và thực hành.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập cá nhân, cặp, nhóm trong lớp và ở nhà.
- Tham dự đầy đủ các buổi kiểm tra trong lớp và kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

+ *Hành vi trong lớp học:*

- Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học
- Không ăn uống, nghe điện thoại, nghe nhạc trong giờ học
- Trong giờ học, máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích học tập

8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

8.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	Tham dự đầy đủ số tiết của học phần	10%	4.3.1
2	Điểm đánh giá quá trình	3 bài kiểm tra trên lớp	20%	4.1; 4.2.; 4.3
3	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- 1 bài thi tự luận (50 phút)	20%	4.1 ; 4.2;
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi tự luận (60 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và thực hành - Bắt buộc dự thi	50%	4.1; 4.2; 4.3

8.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0.5

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân.

9. Tài liệu học tập:

9.1. Giáo trình chính:

[1] 对外汉语本科系列教材—汉语听力教程（修订本）第1册，杨雪梅、胡波编著 ——北京语言大学出版社

9.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 轻松汉语《初级汉语听力》上册，李晓美编著，北京大学出版，2011.

[3] 《原声汉语》- 初级实况听力教程，孟国主编，NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2013.

10. Hướng dẫn sinh viên tự học:

Tuần /Buổi	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	第 1+2 课 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
2	第 3+4 课 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
3	第 5+6 课 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
4	第 8+9 课 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
5	第 10+ 11 课 课外练习 语音语调练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm) - Ôn bài chuẩn bị làm bài kiểm tra số 1
6	第 11 课 听力理解练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
7	第 12 课 语音语调练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
8	第 12 课 听力理解练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)

9	第 13 课 语音语调练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
10	第 13 课 听力理解练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
11	第 14 课 语音语调练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
12	第 14 课 听力理解练习 课外练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm) Ôn bài chuẩn bị làm bài kiểm tra số 2
13	第 15 课 语音语调练习	1	3	- Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
14	第 15 课 听力理解练习 课外练习	1	3	Tự học theo nhóm (đã phân nhóm)
15	Ôn bài	1	3	

Ngày.....tháng.....năm.....

Trưởng khoa

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Tổ trưởng Bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Người biên soạn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Th.S Huỳnh Thị Chiêu Uyên

TS Châu Ngọc Huy

Ngày.....tháng.....năm.....

Ban giám hiệu